

Phụ lục

Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường
Chương: 426

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
Năm 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số đã giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	-3.440.830.710	-3.440.830.710	192.042.290	-10.270.000	-2.878.000.000	-657.250.000	-78.000.000	-9.353.000	
1	Chi hành chính nhà nước	345.000.000	345.000.000	218.000.000	50.000.000	77.000.000	0	0	0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	345.000.000	345.000.000	218.000.000	50.000.000	77.000.000	0	0	0	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	399.000.000	399.000.000	218.000.000	84.000.000	97.000.000				
	- Nghiệp vụ kiểm tra, khảo sát, làm việc với các địa phương, đơn vị về công tác bảo vệ môi trường	-34.000.000	-34.000.000		-34.000.000					
	- Xác định giá đất cụ thể	-20.000.000	-20.000.000			-20.000.000				
2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	-704.250.000	-704.250.000	0	-47.000.000	0	-657.250.000	0	0	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-704.250.000	-704.250.000	0	-47.000.000	0	-657.250.000	0	0	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-704.250.000	-704.250.000	0	-47.000.000	0	-657.250.000	0	0	
	+ Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	37.000.000	37.000.000				37.000.000			
	+ Nghiệp vụ bảo vệ môi trường và giám sát môi trường, đa dạng sinh học. Trong đó:	-741.250.000	-741.250.000	0	-47.000.000	0	-694.250.000			

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số đã giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
	* Phối hợp các Hội, đoàn thể tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng các sự kiện: Ngày môi trường thế giới 5/6; Ngày Đa dạng sinh học 22/5; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn (3 đợt)	-5.000.000	-5.000.000		-5.000.000					
	* Tổ chức các lớp tập huấn về BVMT và bảo tồn đa dạng sinh học cho cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp	-28.000.000	-28.000.000		-28.000.000					
	* Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định	-64.000.000	-64.000.000				-64.000.000			
	* Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định	-239.000.000	-239.000.000				-239.000.000			
	* Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định năm 2024, Chuyên đề: "Hiện trạng môi trường đô thị - Thực trạng và giải pháp"	-63.000.000	-63.000.000				-63.000.000			
	* Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định hàng năm	-7.000.000	-7.000.000				-7.000.000			
	* Xác định thành phần và định mức phát sinh chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định	-22.000.000	-22.000.000				-22.000.000			
	* Lấy mẫu phục vụ kiểm tra và giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt	-42.750.000	-42.750.000				-42.750.000			
	* Lấy mẫu phục vụ kiểm tra kiểm soát ô nhiễm	-65.500.000	-65.500.000				-65.500.000			
	* Thực hiện thanh kiểm tra đột xuất; Lấy mẫu phục vụ thanh kiểm tra đột xuất	-128.000.000	-128.000.000		-14.000.000		-114.000.000			
	* Duy trì và vận hành hệ thống các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh	-45.000.000	-45.000.000				-45.000.000			
	* Giám sát vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	-32.000.000	-32.000.000				-32.000.000			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Sự nghiệp kinh tế	-3.042.353.000	-3.042.353.000	0	0	-2.955.000.000	0	-78.000.000	-9.353.000	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-3.042.353.000	-3.042.353.000	0	0	-2.955.000.000	0	-78.000.000	-9.353.000	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số đã giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-3.042.353.000	-3.042.353.000	0	0	-2.955.000.000	0	-78.000.000	-9.353.000	
	+ Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	119.000.000	119.000.000						119.000.000	
	+ Lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Bình Định	-2.145.000.000	-2.145.000.000			-2.145.000.000				
	+ Kinh phí thực hiện điều tra, khảo sát giá đất và xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Bình Định	-810.000.000	-810.000.000			-810.000.000				
	+ Chi mua phôi giấy chứng nhận phục vụ thu lệ phí	-50.000.000	-50.000.000			0		-50.000.000		
	+ Hỗ trợ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ thông tin, tư liệu về đất đai; Bảo trì, cập nhật, nhuận bút trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường Trong đó:	-28.000.000	-28.000.000	0	0	0	0	-28.000.000	0	
	* Thuê bao đường truyền	-14.004.000	-14.004.000					-14.004.000		
	* Hỗ trợ phòng chống mối mọt kho lưu trữ, trang bị hồ sơ lưu trữ	-13.996.000	-13.996.000					-13.996.000		
	+ Phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất	-4.842.000	-4.842.000						-4.842.000	
	* Chi phí trích đo thửa đất phục vụ đấu giá	-4.842.000	-4.842.000						-4.842.000	
	+ Nhiệm vụ quy hoạch:	-123.511.000	-123.511.000						-123.511.000	
	* Khu chung cư thương mại dọc đường Huỳnh Tấn Phát	-12.330.000	-12.330.000						-12.330.000	
	* Khu chung cư thương mại dọc đường Nguyễn Trọng Trì	-11.943.000	-11.943.000						-11.943.000	
	* Khu đất phía Tây Nam cầu Long Vân	-99.238.000	-99.238.000						-99.238.000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0		0	0	0	
4	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-3.581.000	-3.581.000	-3.581.000	0	0	0	0	0	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-3.581.000	-3.581.000	-3.581.000	0	0	0	0	0	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0		0	0	0	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-3.581.000	-3.581.000	-3.581.000	0	0	0	0	0	

TT	NỘI DUNG CHI	Tổng số đã giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
	+ Trợ cấp cho công chức được cử đi học	-3.581.000	-3.581.000	-3.581.000						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0		0		0	0	0	
5	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	-35.646.710	-35.646.710	-22.376.710	-13.270.000	0	0	0	0	
	- Kinh phí vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024, nội dung thành phần số 11, chi phí quản lý Chương trình)	-35.646.710	-35.646.710	-22.376.710	-13.270.000					